VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01995/2026/PKQ (26.660)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260601.006: NM6: Nước mặt tại hồ lắng nước thải của mỏ (Vị trí 1)
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260601.006	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	**6,0-8,5**(1)
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,8	**≥ 5,0**(1)
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9(a)	**≤ 15**(1)
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3,32	**≤ 6**(1)
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	**22,0**	**≤ 15**(1)
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,09(a)	**≤ 0,3**(1)
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	0,64	**≤ 1,5**(1)
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,01**
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,005**
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,02**
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,201	**0,5**
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	**0,297**	**0,1**
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	**0,001**
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	**0,58**	**0,5**
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	**5**
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	**20**
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	310	**≤ 5.000**(1)

Ghi chú:
- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- (1) Chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0106210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT Y. ĐÔNG ANH - HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01996/2026/PKQ (26.660) **Trang:** 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260601.007: NM7: Nước mặt tại hồ lắng nước thải của mỏ (Vị trí 2)
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260601.007	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,5	**6,0-8,5**(1)
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,1	**≥ 5,0**(1)
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9(a)	**≤ 15**(1)
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,30	**≤ 6**(1)
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	**22,5**	**≤ 15**(1)
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (LOD=0,03)	**≤ 0,3**(1)
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	0,78	**≤ 1,5**(1)
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,01**
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,005**
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,02**
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,195	**0,5**
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	**0,328**	**0,1**
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	**0,001**
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	**0,69**	**0,5**
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	**5**
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	**20**
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	380	**≤ 5.000**(1)

Ghi chú:
- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- (1) Chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0108210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT X.ĐÔNG ANH-T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01997/2026/PKQ (26.660)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Nước thải
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NT.260601.011: NT7: Vị trí trên dòng thải sau hệ thống xử lý nước thải ra môi trường (Vị trí 1)
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2025/BTNMT
				NT.260601.011	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	**6 - 9**
2	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	8,3	**≤ 60**
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,5	**≤ 90**
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	30,5	**≤ 80**
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**≤ 0,25**
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	**≤ 0,005**
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	**≤ 0,5**
8	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	**≤ 0,1**
9	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	**≤ 3,0**
10	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,208	**≤ 5,0**
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,302	**≤ 10**
12	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,94	**≤ 10**
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	**≤ 5,0**
14	E.Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	0	**-**
15	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1.500	**≤ 5.000**

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 40:2025/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01998/2026/PKQ (26.660)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Nước thải
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NT.260601.012: NT8: Vị trí trên dòng thải sau hệ thống xử lý nước thải ra môi trường (Vị trí 2)
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2025/BTNMT
				NT.260601.012	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	6 - 9
2	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	10,3	≤ 60
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	17,3	≤ 90
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	33,0	≤ 80
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	≤ 0,25
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	≤ 0,005
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	≤ 0,5
8	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	≤ 0,1
9	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	≤ 3,0
10	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,177	≤ 5,0
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,317	≤ 10
12	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,8	≤ 10
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	≤ 5,0
14	E.Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	0	-
15	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1.400	≤ 5.000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 40:2025/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01999/2026/PKQ (26.660)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước thải
NT.260601.013: NT9: Vị trí mương thoát nước chung khu vực phía sau bể tự hoại văn phòng mỏ sét xưởng khai thác
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT
				NT.260601.013	Cột B
1	TDS	mg/L	SOP/MTVP/HT01	242	1.000
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	5 - 9
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	9,3	50
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	32,5	100
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	-
6	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2023	<0,09[(a)]	4
7	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (LOD=0,03)	10
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,58	10
9	Nitrat (NO_3^--tính theo N)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,5	50
10	PO_4^{3-} (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,78	10
11	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.000	5.000

Ghi chú:

- [(a)]: Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02976/2026/PKQ (26.1124)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước dưới đất
NDĐ.260723.002: NDD3: Nước ngầm tại khu vực khai thác mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả NDĐ.260723.002	QCVN 09:2023/BTNMT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,4	**5,8 ÷ 8,5**
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	3,4	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<9[(a)]	-
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	17,6	-
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	28,9	-
6	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOD=3)	-
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,05**
8	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,005**
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,01**
10	Thủy ngân (hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	**0,001**
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,04)	**1**
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**3**
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,03)	**5**
14	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,5**
15	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	<3[(a)]	**3**
16	E. Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	**KPH**

Ghi chú:

- [(a)]: Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 09:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02977/2026/PKQ (26.1124)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260723.004: KK17: Khu vực dân cư xung quanh mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260723.004	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,1	70(1)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	141,2	300
3	SO_2	µg/Nm^3	MASA Method 704A	30,3	350
4	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	29,6	200
5	Chì (Pb)	µg/Nm^3	NIOSH Method 7048	KPH (LOD=0,03)	-
6	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,6	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0108210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT H. ĐÔNG ANH-TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02978/2026/PKQ (26.1124)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260723.005: KK18: Khu vực khai trường khai thác mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260723.005	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,3	**70**[(1)]
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	134,1	**300**
3	SO_2	µg/Nm^3	MASA Method 704A	<30[(a)]	**350**
4	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	33,0	**200**
5	Chì (Pb)	µg/Nm^3	NIOSH Method 7048	KPH (LOD=0,03)	-
6	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	67,0	-

Ghi chú:

- [(a)]: Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- [(1)] QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0108210122 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
X. ĐÔNG ANH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02979/2026/PKQ (26.1124) **Trang:** 1/1

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực Mỏ sét Ninh Dân
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260723.006: KK19: Khu vực các tuyến đường bốc xúc, vận chuyển
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260723.006	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,5	**70**[(1)]
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	129,3	**300**
3	SO_2	µg/Nm^3	MASA Method 704A	36,5	**350**
4	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	26,2	**200**
5	Chì (Pb)	µg/Nm^3	NIOSH Method 7048	KPH (LOD=0,03)	-
6	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,2	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- [(1)] QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.